TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:**25**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-3-2022
V/v tranh chấp " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**

2. Bà **Lê Thị Thu Yến.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trạng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 503/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/3/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Huỳnh N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 220/AT1, ấp An Thạnh 1, xã An Ngãi Trung, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 199 Trần Văn Hiển, khu phố 5, phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Chị Như có mặt, anh Mộng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hồ Thị Huỳnh N trình bày: chị và anh Bùi Văn M cưới nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại chị đã không còn tình cảm với anh Mộng nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung, chị và anh M có 02 con chung tên Bùi Thành L sinh ngày 24/3/2010 và Bùi Thành L1 sinh ngày 22/7/2014, hiện cháu đang sống cùng mẹ. Ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Về tài sản chung và nợ chung chị trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn M đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng

nhưng anh không đến Tòa án.

Ngày 17/02/2022 anh M có văn bản ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn với chị N với lý do mâu thuẫn không trầm trọng và hai con còn quá nhỏ nên anh muốn hàn gắn tình cảm. Về con chung, anh thống nhất nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung không thống nhất không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh M. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N Giao Bùi Thành L sinh ngày 24/3/2010 và Bùi Thành L1 sinh ngày 22/7/2014 cho chị N nuôi dưỡng, anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu. Về tài sản chung và nợ chung chị N và anh M trình bày không có, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hồ Thị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn M có địa chỉ tại phường 10, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định là tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Bị đơn Bùi Văn M không có đơn xin xét xử vắng mặt, và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh M cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 29/10/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới chị N và anh M chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay.

Qua trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N khẳng định không thể hàn gắn với anh M vì chị không còn tình cảm, chị đã cho anh M nhiều thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm vẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Tại bản khai, anh M trình bày còn tình cảm với chị N và mong muốn được hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

[3.2]. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân của chị N và anh M là không thể hàn gắn, vì không có sự vun đắp, xây dựng gia đình từ hai phía, thời gian sống ly thân dài, nhưng cả

hai vẫn không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Bị đơn dù có văn bản trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, thể hiện sự không kiên quyết cứu vãn mối quan hệ hôn nhận với chị N. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị N, cho chị N được ly hôn với anh Mộng.

[3.3]. Về nuôi con chung: Đối với con chung tên Bùi Thành L sinh ngày 24/3/2010 và Bùi Thành L1 sinh ngày 22/7/2014 đang sống chung với chị N và gia đình chị N và chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, các cháu do chị N chăm sóc nuôi dưỡng, các cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng chị N. Mặt khác, anh M cũng có văn bản ý kiến đồng ý việc giao 02 con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu L1 cho chị Như tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trường thành, anh M được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/ cháu. Xét yêu cầu trên là phù hợp với quy định của pháp luật và phía anh M cũng đồng ý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5]. Về tài sản chung và nợ chung: chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Mộng phải chịu án 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Huỳnh N.

- Về hôn nhân: chị Hồ Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Bùi Văn M.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Thành L sinh ngày 24/3/2010 và Bùi Thành L1 sinh ngày 22/7/2014 cho chị Hồ Thị Huỳnh Như trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn M thực hiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

2. Về án phí:

- Chị Hồ Thị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004526 ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M nên chị đã nộp xong.

- Anh Bùi Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND TPMT;
- UBND xã Thạnh Lộc, Cai Lậy, Tiền Giang;
-Những người tham gia tố tụng;
-Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh